

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 425/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 6 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phèo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;
2. Bà Trần Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 10 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 339/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Hồng N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 12, hẻm 101 đường Nguyễn Kim Cương, ấp 7A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà N có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Văn Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 32B đường 122, ấp 6A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Q có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 11/7/2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đặng Hồng N trình bày:

Bà và ông Võ Văn Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 270, quyền số 02/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 24/12/2009. Sau khi kết hôn, ông bà sinh sống ở nhà của gia đình chồng được một thời gian thì ra sống ở nhà riêng. Cuộc sống của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân là do bà không có con, ông Q thì vô tâm với bà, lại hay nhậu nhẹt,

cuộc sống dần tẻ nhạt, bà nhận thấy mình không hạnh phúc. Tháng 7 năm 2019, bà dọn về nhà cha mẹ ruột sống, và chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà N trình bày giữa ông bà không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Bà N trình bày không có.

* Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Võ Văn Q trình bày: Ông và bà N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Quá trình chung sống thì giữa ông và bà N không có mâu thuẫn gì hết. Do vợ chồng chung sống từ năm 2009 nhưng cho đến nay vẫn chưa có con, vì vậy mà bà N muốn ly hôn. Ông, bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Ông không muốn ly hôn. Nếu bà N vẫn kiên quyết ly hôn thì sẽ do Tòa án quyết định.

Về con chung: Ông Q trình bày giữa ông bà không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Ông Q trình bày không có.

* Tại phiên tòa: Bà N trình bày: Bà và ông Q tuy sống riêng, nhưng ông Q rất hiền, chỉ nghe lời của gia đình ông Q, trong gia đình bà không có tiếng nói, khi cần trao đổi vấn đề gì thì ông Q phớt lờ lời bà nói. Bà đã từng mua bò về nuôi nhưng ông Q lại không chịu làm và bán hết. Ông Q chỉ muốn sống dựa dẫm vào gia đình. Ông bà đã sống chung với nhau 10 năm nhưng không có con. Bản thân bà đã đi khám bệnh, bà có yêu cầu ông Q cũng đi khám bệnh với hy vọng điều trị cho có con nhưng ông Q không chịu thực hiện. Bản thân bà không cảm nhận thấy sự quan tâm của gia đình chồng. Cuộc sống kéo dài quá mệt mỏi, bà không tìm thấy lý do chung sống với ông Q. Do vậy bà kiên quyết muốn ly hôn với ông Q.

Ông Võ Văn Q đã được Tòa án tổng đạt thông báo hòa giải, quyết định xét xử nhưng ông Q đã xin giải quyết vụ án vắng mặt ông nên ông không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 11/7/2019, bà Đặng Hồng N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Võ Văn Q hiện đang cư trú tại: Số 32B đường 122, ấp 6A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, không có mặt bị đơn ông Võ Văn Q nhưng ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt ông nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Q.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Hồng N và ông Võ Văn Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 270, quyền số 02/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 24/12/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà Đặng Hồng N thì sau kết hôn giữa bà và ông Q đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống, đã không cảm nhận thấy hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông bà không có con, ông Q thì vô tâm, không có sự quan tâm đến bà, cuộc sống vợ chồng dần tẻ nhạt, bà không nhận thấy hạnh phúc. Tháng 7 năm 2019, bà dọn về nhà cha mẹ ruột sống, và ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Ông Q đã được Tòa triệu tập đến Tòa nhưng ông Q có đến Tòa tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Bản thân ông Q trình bày là không muốn ly hôn nhưng lại không đưa ra giải pháp để đoàn tụ với bà N. Sau đó, ông Q đã xin xét xử vắng mặt, chứng tỏ ông Q không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Q đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông Q theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà N và ông Q đều xác định là ông bà không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà N và ông Q đều xác định là không có.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Đặng Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đặng Hồng N được ly hôn với ông Võ Văn Q.

Kể từ ngày 10/6/2020, Giấy chứng nhận kết hôn số 270, quyền số 02/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp ngày 24/12/2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Đặng Hồng N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0083696 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Phèo